

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/10/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	426	TD2+TD3	7:25	21+0+0	0+0+0		14+7+0	0+0+0	TRANS 1 PAX TU TD2 - TD1
2	406	PVD1+RP1+RP2	7:25	19+3+0	0+0+0		14+2+6	0+0+0	
3	410	TD3	7:25	22	0		22	0	
4	424	TD5	7:25	22	0		22	0	
5	426	TD3	9:25	21	0		22	0	
6	406	PVD2+RP3+PVD1	9:25	8+0+8	0+0+0		0+10+12	0+0+0	
7	424	PVD2	9:25	15	0		22	0	
8	410	P4+P11+PVD1	9:25	17+0+0	0+0+0		1+4+17	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : 1/10 NGUOI XNXL ĐI BK8 QUA ĐIỂM TD3 VÀ TD5; 2/4 NGUOI TD3 VỀ BƠ QUA ĐIỂM TD5



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03-Oct-17	TO: PVD1 - RP1 - RP2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hôi - DUONG - PTUÂN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAI VAN CHUONG	PVD1	24	1	5	32	72	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN CONG CHUC	PVD1	41	1	15		70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN TUAN ANH	PVD1	26-27	2	12		76	KHOAN	Vietnamese
4	DOAN VAN AN	PVD1	33	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM TRONG ANH	PVD1	22	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
6	PHAN DUC THIEN	PVD1	38	1	10		62	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN DAC NAM	PVD1	35	1	5		54	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN DUC HONG	PVD1	31	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM MINH THANG	PVD1	21	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN DOAN BAO TRUNG	PVD1	23	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
11	LE VAN VIET	PVD1	39	1	6		81	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN QUANG LINH	PVD1	40	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
13	PHAN NGOC TUU	PVD1	25	1	6		59	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN QUANG VIET	PVD1	36	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN DUC THIEN	PVD1	28	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TRUNG	PVD1	37	1	11		66	KHOAN	Vietnamese
17	NONG VAN GIANG	PVD1	29-30	2	14		73	KHOAN	Vietnamese
18	NGO VAN HUNG	PVD1	32	1	14		63	KHOAN	Vietnamese
19	LE THANH PHUONG	PVD1	34	1	6		53	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	19	21	137	1.298	32	14		
2	RP1	0	0	0	0	21	2		
3	RP2	0	0	0	0	50	6		
TOTAL		19	21	137	1.298	103	22		
WEIGHT KG				137	1.298	103			

GRAND TOAL: 1.538 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/10/2017	TO: TD5	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: DLONG - T.Hiếu - ĐANG	ETA: 09:30
trang-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DEM IN IU.A	TD5	48	1	10		105	KHOAN	Russian
2	NGUYEN XUAN HAI	TD5	66	1	5	20	75	KHOAN	Vietnamese
3	LE THANH LAM	TD5					67	KHOAN	Vietnamese
4	HUYNH DINH DE	TD5	55	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN VAN THIEU	TD5	56	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
6	LUONG VAN LUU	TD5	51	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN DAM	TD5	58	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN XUAN THE	TD5	61	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM VAN HANH	TD5	50	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
10	DAO THANH SON	TD5	49	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN THUONG VU	TD5	62	1	12		85	KHOAN	Vietnamese
12	HO MINH TRINH	TD5	53	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
13	LE THANH THAI	TD5	67-68	2	16		93	KHOAN	Vietnamese
14	DUONG QUOC VIET	TD5	52	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN QUANG HOAN	TD5	54	1	10		77	DVL	Vietnamese
16	VO HUU TAN	TD5	63	1	5		74	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN CONG KHOAI	TD5	64	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAM DINH HUNG	TD5	69	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN DANG HANH	TD5	60	1	8		62	XAYLAP	Vietnamese
20	LE DUC HIEN	TD5	65	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN HOANG LONG	TD5	59	1	2		75	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN HONG THANG	TD5	57	1	5		85	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

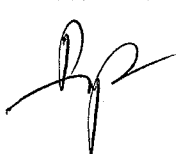
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	22	162	1.664	20	22		
	TOTAL	22	22	162	1.664	20	22		
	WEIGHT KG			162	1.664	20			

GRAND TOAL: 1.846 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/10/2017	TO: TD2 - TD3	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - Phong - DKHANH	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KOSHELEV	TD2	78	1	4		90	KHOAN	Russian
2	GOLOVASHKIN A.V	TD2	89	1	5		74	KHOAN	Russian
3	LE HAI SON	TD2	81	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
4	DO NGOC QUANG	TD2					64	KHOAN	Vietnamese
5	DO XUAN VANG	TD2				60	82	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN MANH LINH	TD2	84	1	12	20	90	KHOAN	Vietnamese
7	LE VAN XUAN	TD2	86	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
8	ĐINH NGỌC GIANG	TD2	83	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
9	DUONG HAI BANG	TD2	87	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM VAN HUNG	TD2	77	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	LE THANH TUYEN	TD2	79	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN VAN BINH	TD2	88	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	LE HUNG CUONG	TD2	76	1	3		95	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG XUAN HUY	TD2	82	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN VAN NGHIA	TD2	96	1	12		85	DIATATLY	Vietnamese
16	LE HOAI THIEN	TD2	80	1	11		75	DIATATLY	Vietnamese
17	NGUYEN VAN THANH	TD2	97	1	10		79	DIATATLY	Vietnamese
18	PHAN THANH TINH	TD2	94-95	2	17		67	DIATATLY	Vietnamese
19	VU NGOC TIEN	TD2	98	1	10		70	DVL	Vietnamese
20	VU VAN HUNG	TD2	75	1	10		60	NIPI	Vietnamese
21	NGUYEN VAN SON	TD2	90-91	2	17		70	YTE	Vietnamese
22	LE XUAN PHUONG	TD2	85	1	5		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	22	152	1.668	80	14		
2	TD3	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	22	152	1.668	80	22		
WEIGHT KG				152	1.668	80			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/10/2017	TO: TD3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Khang - CHIẾN - THỤ	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KODZOIEV M.M	TD3	04	1	16		94	KHOAN	Russian
2	NGUYEN VAN TUAN	TD3	17	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
3	LE VAN TUAN	TD3					71	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN VAN THO	TD3	07	1	8		66	KHOAN	Vietnamese
5	ĐANG CONG THINH	TD3	10	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG MINH TOAN	TD3	16	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TAN PHUOC	TD3					65	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM VIET DUNG	TD3	19	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
9	CHU VAN THANG	TD3	08	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	LAI THE DAT	TD3	21	1	7		91	KHOAN	Vietnamese
11	VU LONG PHI	TD3	20	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
12	NGO VAN CHUNG	TD3	09	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
13	ĐANG DINH PHUC	TD3					90	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN LAM GIANG	TD3	14	1	8	21	75	KHOAN	Vietnamese
15	VU NGOC THANH	TD3	24	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM VAN BIEN	TD3	23	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN DINH QUY	TD3	15	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN VAN MINH	TD3	22	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
19	LE VIET HUNG	TD3	12	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
20	TRAN CONG AN	TD3	13	1	2		60	XAYLAP	Vietnamese
21	TRAN CONG MINH	TD3	18	1	7		75	XAYLAP	Vietnamese
22	TRAN CANH THAC	TD3	11	1	5		68	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	19	115	1.581	21	22		
TOTAL		22	19	115	1.581	21	22		
WEIGHT KG				115	1.581	21			

GRAND TOAL: 1.717 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/10/2017	TO: PVD2	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Bằng - DLONG - ĐANG	ETA: 11:30
HONG-2			

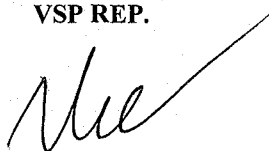
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGO QUY THINH	PVD2	10	1	13		93	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN DUC NGU	PVD2	11	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
3	LE HONG THINH	PVD2	09	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
4	VU XUAN TIEN	PVD2	08	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN QUANG HUNG	PVD2	01-03	3	14		77	KHOAN	Vietnamese
6	DO DUC NGOC	PVD2	05	1	13		78	KHOAN	Vietnamese
7	NGO VAN CUONG	PVD2	13-14	2	17		66	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN QUOC HOAN	PVD2	07	1	14		66	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN SON	PVD2	06	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN NAM THANG	PVD2	12	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM VAN PHUONG HUNG	PVD2	16	1	9		59	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN HUY QUANG	PVD2	17	1	12		78	KHOAN	Vietnamese
13	TRINH XUAN TUNG	PVD2	18-19	2	13		68	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN CONG BINH	PVD2	04	1	9		65	KHOAN	Vietnamese
15	HUYNH XUAN SI	PVD2	15	1	5		78	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

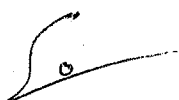
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	15	19	157	1.079	0	22		
	TOTAL	15	19	157	1.079	0	22		
	WEIGHT KG			157	1.079	0			

GRAND TOAL: 1.236 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03-Oct-17	TO: TD3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: HUNG - Phong - DKHANH	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUU NHAN	TD3	56	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN TRONG VIET	TD3	53	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
3	VU MANH HUNG	TD3	54-55	2	10		72	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN HOANG LONG	TD3	66	1	9		68	DVL	Vietnamese
5	TRAN THAI AN	TD3	60-61	2	15		70	DVL	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN DE	TD3	58	1	20		55	XAYLAP	Vietnamese
7	DO XUAN HIEP	TD3	62	1	8		75	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN NAM HOANG	TD3	77	1	11		53	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN CANH LUYEN	TD3	64-65	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI VAN CHUNG	TD3	75-76	2	9		53	XAYLAP	Vietnamese
11	NGO DUY TIET	TD3	59	1	16		68	XAYLAP	Vietnamese
12	LUONG XUAN DUOC	TD3	73	1	6		70	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TRUNG	TD3	67	1	2		77	PSV	Vietnamese
14	LUU QUY TRUNG	TD3	68	1	3		65	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN QUANG	TD3	72	1	5		68	PSV	Vietnamese
16	HOANG VAN THANG	TD3	63	1	5		54	PSV	Vietnamese
17	PHAM VAN DUAN	TD3	69	1	3		72	PSV	Vietnamese
18	PHAM DUC HAU	TD3	57	1	7		57	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN TUAN HAI	TD3	70	1	5		59	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN LAP	TD3	71	1	2		64	PSV	Vietnamese
21	VUONG DUC HUY	TD3	74	1	11		93	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	21	25	175	1.383	0	22		
	TOTAL	21	25	175	1.383	0	22		
	WEIGHT KG			175	1.383	0			

GRAND TOAL: 1.558 KGS

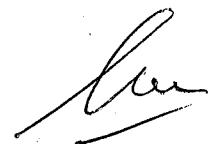
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03-Oct-17	TO: P4 - P11 - PVD1	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Khang - CHIẾN - THỤ	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN XUÂN PHONG	P4	39	1	13		60	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN CHU	P4	37	1	7		56	XAYLAP	Vietnamese
3	KHUDAEV C.N	P4	44	1	8		72	XAYLAP	Russian
4	TRẦN VĂN TOÀN	P4	30	1	9		68	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG VINH	P4	40-41	2	20		64	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ QUY BƯỞNG	P4	29	1	12		58	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN VĂN TÂN	P4	42-43	2	13		65	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐẶNG XUÂN THĂNG	P4	36	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN HOÀI BẢO	P4	38	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN VĂN VINH	P4	25	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
11	VŨ ĐÌNH TÔNG	P4	33-34	2	15		57	XAYLAP	Vietnamese
12	BUI VĂN THOẠI	P4	26	1	12		58	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM NGỌC NAM	P4	24	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ XUÂN HAI	P4	35	1	15		82	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG BẠCH	P4	27-28	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN TRI HÀ	P4	23	1	17		72	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NAM	P4	31-32	2	19		64	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	17	22	224	1.117	0	1		
2	P11	0	0	0	0	0	4		
3	PVD1	0	0	0	0	0	17		
TOTAL		17	22	224	1.117	0	22		
WEIGHT KG				224	1.117	0			

GRAND TOAL: 1.341 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/10/2017	TO: PVD2 - RP3 - PVD1	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Hồi - DUONG - PTUÂN	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VO THANH GAN	PVD2	92	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
2	VAN DUC MAI	PVD2	91	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN VIET ANH	PVD2	99,2000	2	17		70	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN DUC TIEN	PVD2	94	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
5	KHUONG VAN CHUC	PVD2	97-98	2	10		60	KHOAN	Vietnamese
6	DINH THANH DONG	PVD2	93	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
7	CU THANH NHAN	PVD2	95	1	5	10	50	KHOAN	Vietnamese
8	BUI KIM DAT	PVD2	96	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	SAIFAFART PUDSAKAEW	PVD1	20	1	5		60	KHOAN	Thailand
10	PHAM QUOC TOAN	PVD1	21,42	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC LANG	PVD1	01	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
12	LUONG XUAN CUONG	PVD1	43-44	2	10		62	KHOAN	Vietnamese
13	DUONG MINH TUAN	PVD1	02-03	2	15		62	KHOAN	Vietnamese
14	BINDEROV VICTOR	PVD1	45	1	7		90	VSP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	8	10	57	497	10	0		
2	RP3	0	0	0	0	70	10		
3	PVD1	6	9	59	414	0	12		
TOTAL		14	19	116	911	80	22		
WEIGHT KG				116	911	80			

GRAND TOAL: 1.107 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/10/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	426	BK10+BK3+BK15	7:25	7+10+5	0+0+0		2+10+10	0+0+0	
2	410	TD5+P2	7:25	19+3	0+0		13+9	0+0	
3	424	P10+P2	7:25	8+14	0+0		4+18	0+0	
4	426	P2+BK4+P9	9:25	4+12+3	0+0+0		5+5+12	0+0+0	TRANS 2 PAX TU P2-BK4
5	410	P6+P9+P10	9:25	19	0		22	0	
6	424	P11+PVD1	9:25	12+0	0+0		12+10	0+0	
7	426	P9+BK10	11:25	19+3	0+0		14+8	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : 1/ATC4 ĐI BK10-4NG VỀ TRONG NGÀY 2/ĐI VÀ VỀ CLO QUA BK3



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/10/2017	TO: BK10 - BK3 - BK15	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 0	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - Nam - PTUẤN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	YATSENKO	BK10	02	1	4		100	D-HANH	Russian
2	NGUYEN VAN KHOA	BK10	05	1	3		75	D-HANH	Vietnamese
3	LE NHAT TUAN	BK10				20	70	D-HANH	Vietnamese
4	TARGANOV	BK10	03	1	10		90	D-HANH	Russian
5	SHENSHIN	BK10	04	1	5		105	KH-THAC	Russian
6	TRAN CONG HOAN	BK10	07	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM VAN KHUONG	BK10	06	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐO VAN TU	BK3					77	KH-THAC	Vietnamese
9	LE CONG VINH	BK3	96	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM HIEN TRUONG	BK3	700	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI ĐỨC THUẬN	BK3	62	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐO TUAN VIET	BK3	63	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	TẠ VĂN VIỆT	BK3	96	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ VĂN TRUNG	BK3	01-02	2	17	40	70	DVL	Vietnamese
15	TẠ MINH UY	BK3	97-98	2	17		60	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN VAN NAM	BK3	99	1	17		75	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN ĐỨC MÃN	BK3	03	1	3		60	PSV	Vietnamese
18	PODUMOV.D.N	BK15	94	1	7		140	KH-THAC	Russian
19	PHAN QUANG HOANG	BK15	99	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HOANG KHA	BK15	95	1	7	30	70	KH-THAC	Vietnamese
21	LUU TIEN THANH	BK15	67	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN TRUNG	BK15	96	1	12		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	7	6	32	575	20	2		
2	BK3	10	11	81	687	50	10		
3	BK15	5	5	38	432	30	10		
TOTAL		22	22	151	1.694	90	22		
WEIGHT KG				151	1.694	90			

GRAND TOAL: 1.935 KGS + 10kg

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04-Oct-17	TO: TD5 - P2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hạnh - TRƯỜNG - Luy - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VIỆT	TD5	21	1	10	40	80	KHOAN	Vietnamese
2	SUSTAVOV V.S	TD5	18	1	6		108	KHOAN	Russian
3	ÔNG VĂN NAM	TD5	74	1	11		60	NHA THAU	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH THANH HAI	TD5	77-78	2	15		54	NHA THAU	Vietnamese
5	GIANG HỒNG SƠN	TD5	75-76	2	17		60	NHA THAU	Vietnamese
6	MAI HOANG HA	TD5	79-80	2	16		50	NHA THAU	Vietnamese
7	LƯU VĂN PHONG	TD5	14	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN BACH TUNG	TD5	22	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH CHANH	TD5	73	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
10	TU DƯƠNG DUNG	TD5	13	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	CAO ĐỨC HAI	TD5	20	1	4		83	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN CAO HOANG	TD5	17	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM XUÂN HAI	TD5	24	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM XUÂN THUY	TD5	19	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TRUNG THAI	TD5	12	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU HOAN	TD5	16	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
17	ĐÀO NGUYỄN DUY MẠC	TD5	23	1	10		57	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN CHÍ LINH	TD5	72	1	8		81	DVL	Vietnamese
19	TRẦN VĂN THỤ	TD5	15	1	15		52	DVL	Vietnamese
20	ĐỖ HỮU NGUYỄN	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
21	PARSHIN	P2	42-43	2	20		88	KH-THAC	Russian
22	HOANG QUỐC BAO	P2					63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	19	22	156	1.342	40	13		
2	P2	3	2	20	219	0	9		
TOTAL		22	24	176	1.561	40	22		
WEIGHT KG				176	1.561	40			

GRAND TOTAL: 1.777 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/10/2017	TO: P10 - P2	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: PHÚ - DLONG - ĐANG	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN KIM NGỌC	P10	07	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN HÙNG MÊN	P10	08	1	5		64	YTE	Vietnamese
3	BADIKOV MARAT	P10	09	1	5		68	KH-THAC	Russian
4	BABKIN ANDREV	P10	12	1	8		88	KH-THAC	Russian
5	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P10	06	1	10	30	80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THE HUNG	P10					80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH KHOA	P10	11	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	HOÀNG SY NGUYỄN	P10	10	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN ANH ĐỨC	P2	73	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ VĂN CƯỜNG	P2	65	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG HUY HOÀNG	P2	67	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	BIÊN ĐĂNG SAM	P2	63	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH UT	P2	62	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ĐỨC DỤC	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG THANH TRUNG	P2	75-77	3	16	20	70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC SƠN	P2	71-72	2	12		55	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN CHI HƯƠNG	P2	66	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM LÊ DƯƠNG	P2	64	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG MINH QUÂN	P2	68	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
20	TRƯƠNG THE VINH	P2	74	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ ĐÌNH THUẬN	P2	69	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
22	THAI HOÀNG TÂM	P2	70	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	8	7	43	595	30	4		
2	P2	14	16	96	967	20	18		
TOTAL		22	23	139	1.562	50	22		
WEIGHT KG				139	1.562	50			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/10/2017	TO: P2 - BK4 - P9	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Nam - MTuấn - PTUẤN	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG QUANG TẾ	P2	45	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ NGHĨA TÀI	P2	44	1	3		65	CODIEN	Vietnamese
3	PHẠM VĂN ĐÔNG	P2	47	1	5	15	70	NIPI	Vietnamese
4	PHẠM VĂN ĐỨC	P2	46	1	5		70	T-TIN	Vietnamese
5	LÊ VIỆT CƯỜNG	BK4	75,98	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ TRI HUNG	BK4	88	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
7	YAKHIN	BK4	62	1	5		75	KH-THAC	Russian
8	CAO TIẾN SƠN	BK4	56	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LƯU ĐỨC TUẤN	BK4	57-58	2	17		80	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG QUỐC VIỆN	BK4	63	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THẾ KHUÔNG	BK4	400	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TÔ ĐÌNH TUYẾN	BK4	61	1	5	35	78	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ VĂN ĐÔNG	BK4	74	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	TÔNG TRUNG HUY	BK4	59-60	2	12		66	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐỨC BA	BK4	50	1	4		80	CODIEN	Vietnamese
16	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	900,99	2	7		67	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG DŨNG	P9	18	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
18	HOÀNG MINH TÂN	P9	17	1	10		75	YTE	Vietnamese
19	TRẦN VĂN QUÊ	P9	16	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

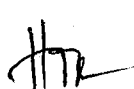
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	4	4	18	265	15	5+2		CHUYỂN 2 PAX P2 SANG BK4
2	BK4	12	16	92	841	35	5		
3	P9	3	3	20	216	0	12		
TOTAL		19	23	130	1.322	50	22		
WEIGHT KG				130	1.322	50			

GRAND TOAL: 1.502 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/10/2017	TO: P6 - P9 - P10	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Hạnh - TRƯỜNG - Luy -	ETA: 11:15
CAM-2		Toan	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU DUC HOE	P6	83	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM VAN VUONG	P9					59	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TUAN ANH	P9	73	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VAN HUONG	P10	20	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN HUU TRI	P10	26	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
6	LE HUNG THANH	P10	27	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG VĂN HỘI	P10	29-30	2	11		65	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN TAM NHAN	P10					85	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN KHANH TOAN	P10	31	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
10	LUYEN VAN THIEU	P10	24	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
11	TRINH THANH BINH	P10	21	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC PHI	P10	32	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN VAN BIEU	P10	23	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN NAM	P10	22	1	10		91	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN TRONG MANH	P10	16	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN THANG	P10	18	1	4		53	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ ĐÌNH VĂN	P10	28	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	HUYNH CONG VAN	P10	19	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10					85	KH-THAC	Vietnamese
20	TRINH XUAN QUAN	P10	15	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
21	HUYNH BA NINH	P10	25	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
22	DUONG DINH THUC	P10	17	1	7		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	1	1	6	60	0	0		
2	P9	2	1	5	122	0	0		
3	P10	19	18	105	1.303	0	22		
TOTAL		22	20	116	1.485	0	22		
WEIGHT KG				116	1.485	0			

GRAND TOAL: 1.601 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/10/2017	TO: P11 - PVD1	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Bằng - PHÚ - CƯỜNG	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO MINH HOANG	P11	42	1	6	60	75	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG MANH CUONG	P11					65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRUONG NHAT MINH	P11	36-37	2	15		76	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN CONG HOANG	P11	44	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
5	MAI CONG LAN	P11	43	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN VAN CO	P11	40	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI VAN TUAN	P11					52	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO MANH HUNG	P11	45	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN TRUNG KIEN	P11	39	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC TUAN	P11	41	1	5		75	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HIEN	P11	35	1	5		72	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN THU TRANG	P11	38	1	3		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	12	11	65	810	60	12		
2	PVD1	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		12	11	65	810	60	22		
WEIGHT KG				65	810	60			

GRAND TOAL: 935 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04-Oct-17	TO: P9 - BK10	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Nam - MTuấn - PTUẤN	ETA: 13:10
xanh-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THANH HAI	P9	42-43	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI NGỌC LONG	P9	45	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ TAM THUY	P9	24	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO VIỆT HAI	P9	41	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ LĂNG TÚ	P9	22	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẬU THÈ HAI	P9	38	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN XUÂN HUƠNG	P9	19	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	25	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRỊNH THÈ NHAN	P9	35	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM KHÁC SOÁT	P9	39	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ ĐĂNG HOANG	P9	34	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ QUỐC ĐÔNG	P9	23	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN XUÂN HỢP	P9	11	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HIỆU	P9	20	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN NGỌC ĐỖ	P9	36	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ĐÀ KHA	P9	44	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC THANH	P9	21	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU THANH	P9	40	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN KHÁC HỒNG	P9	37	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐOÀN NGUYỄN BAO CHÂU	BK10	12	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
21	TRƯƠNG QUANG TUU	BK10	09-10	2	10		67	T-TIN	Vietnamese
22	ĐẶNG NHẬT ANH	BK10	11	1	6	20	60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	19	20	106	1.278	0	14		
2	BK10	3	4	21	184	20	8		
TOTAL		22	24	127	1.462	20	22		
WEIGHT KG				127	1.462	20			

GRAND TOAL: 1.609 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

